TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 776/2024/HS-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;
Thẩm phán: Ông Mai Văn Quang;
Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy;
Bà Dương Thị Lý Anh;
Bà Nguyễn Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quang Anh, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Anh Đào, Kiểm sát viên.

Ngày 31/12/2024, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 598/2024/TLST-HS ngày 23/10/2024; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 798/2024/QĐXXST-HS ngày 16/12/2024 đối với bị cáo:

Phạm Thị Lương A, sinh năm 1991; ĐKHKTT: Thôn C, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội; Nơi ở: Tổ dân phố C N, phường T, thị xã S, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học phổ thông: 12/12; Con ông Phạm Quốc K và con bà Lương Thị L; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo thứ ba; Chồng Nguyễn Kiên C, sinh năm 1983; Bị cáo có 02 con, sinh năm 2011 và 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 22/5/2023 đến nay tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đinh Anh T, Công ty L1, Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

Các bị hại:

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1994; Địa chỉ: Xóm G, xã K, huyện K, tỉnh

Ninh Bình (có mặt).

- Chị Đỗ Thị T2, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội (có mặt).

- Anh Đỗ Anh T3, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện T, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Tú A1, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T, Thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phạm Thị Lương A là Phó giám đốc, kiêm Trưởng phòng hỗ trợ khách hàng Ngân hàng B - Chi nhánh S. Quá trình công tác tại ngân hàng, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, Lương A đã đưa ra thông tin gian dối về việc làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng cho khách để khiến nhiều người tin tưởng chuyển tiền cho Lương A vay và hứa hẹn được hưởng lợi nhuận. Bằng thủ đoạn này, Lương A đã chiếm đoạt được của 3 bị hại với tổng số tiền là 4.000.000.000 đồng, cụ thể:

1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 2.000.000.000đ của chị Nguyễn Thị T1.

Thông qua chị Nguyễn Thị Tú A1 (là cháu của Lương A) - là nhân viên ngân hàng B, Phòng G - T, bị cáo Lương A được giới thiệu quen biết với chị Nguyễn Thị T1 cũng là nhân viên Ngân hàng B làm cùng chỗ với Tú A1. Ngày 09/01/2023, Lương A đưa ra thông tin đối với chị T1 là có khách muốn đáo hạn ngân hàng khoản vay 2.000.000.000đ rủ chị T1 tham gia và hứa hẹn sau 1 ngày đáo hạn thành công sẽ trả chị T1 cả gốc và lợi nhuận là khoảng 1%/số tiền chuyển, ngoài ra được trả thêm số tiền 3.000.000đ. Tin tưởng Lương A, ngày 09, 10/01/2022, chị T1 đã chuyển khoản cho Lương A nhiều lần tổng số tiền là 2.000.000.000đ từ tài khoản V1 số 108828818888 của chị T1 đến số tài khoản BIDV số 45288002836868 của bị cáo Lương Anh . Nhận được tiền của chị T1, bị cáo Lương A không thực hiện việc đáo hạn ngân hàng như cam kết với chị T1 mà sử dụng để trả nợ các khoản vay cá nhân của Lương A và chuyển tiền tới tài

khoản ngân hàng B1 đứng tên bà Đỗ Thị N (là mẹ chồng Lương A) để đánh bạc qua mạng bị thua lỗ hết. Đến chiều ngày 10/01/2022, chị T1 nhiều lần liên hệ với bị cáo Lương A để đòi tiền thì bị cáo Lương A lấy nhiều lý do khất lần và trả cho chị T1 được số tiền 203.500.000đ. Ngày 16/01/2022, chị Nguyễn Thị T1 đã làm đơn tố giác bị cáo Phạm Thị Lương A đến cơ quan điều tra.

2. Hành vi chiếm đoạt số tiền 800.000.000đ của chị Đỗ Thị T2.

Quá trình giao dịch tại ngân hàng B - chi nhánh S, chị Đỗ Thị V, sinh năm 1968; trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội quen biết với bị cáo Phạm Thị Lương A. Thông qua chị V, chị Đỗ Thị T2 (em gái chị V) được giới thiệu đến gặp và được bị cáo Lương A giới thiệu làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng, cần tìm khách vay để hưởng lợi nhuận. Ngày 29/11/2022, bị cáo Lương A liên hệ với chị T2 nói có khoản vay 800.000.000đ cần đáo hạn ngân hàng, lãi suất giao động từ 3000 - 5000đ/1 triệu/ngày, sau khoảng 1-2 ngày sẽ được hoàn trả cả gốc và lãi. Tin tưởng bị cáo Lương A, chị T2 đã chuyển khoản số tiền 800.000.000đ cho bị cáo Lương A từ tài khoản ngân hàng A2 số 2214215008403 của chị T2 đến tài khoản BIDV của bị cáo Lương A kể trên, sau đó bị cáo Lương A đã viết cho chị T2 01 Giấy vay tiền đề ngày 29/11/2022 thời hạn hạn 1 tháng (không có thỏa thuận lãi suất). Nhận được tiền, bị cáo Lương A không sử dụng để thực hiện đáo hạn ngân hàng như cam kết mà sử dụng để trả nợ cá nhân và nạp tiền để đánh bạc qua mạng. Đến hạn như cam kết, chị T2 nhiều lần đòi tiền thì bị cáo Lương A lấy nhiều lý do khất lần cho đến ngày 10/01/2023 thì trả cho chị T2 được số tiền 193.600.000đ. Ngày 17/01/2022, chị Đỗ Thị T2 đã làm đơn tố giác bị cáo Phạm Thị Lương A đến cơ quan điều tra.

3. Hành vi chiếm đoạt số tiền 1.200.000.000đ của anh Đỗ Anh T3.

Đầu năm 2021, anh Đỗ Anh T3 có vay thế chấp tại Ngân hàng B - Chi nhánh S và được bị cáo Lương A hướng dẫn thủ tục. Quá trình quen biết, bị cáo Lương A đã đưa ra thông tin với anh T3 là có khách cần đáo hạn ngân hàng, tham gia sẽ được hưởng lợi nhuận từ 3000-5000đ/01 triệu/ngày tùy thời gian vay. Tin tưởng bị cáo Lương A, từ ngày 20/9/2022 đến 26/12/2022, anh T3 đã nhiều lần chuyển tiền cho bị cáo Lương A tổng số tiền 1.200.000.000đ để thực hiện đáo hạn ngân hàng, cụ thể: Ngày 20/9/2022, sau khi được giải ngân khoản vay 860.000.000đ tại Ngân hàng B - Chi nhánh S, theo đề nghị của Lương A, anh T3 đã chuyển khoản số tiền 200.000.000đ trên đến tài khoản ngân hàng B1 của bà Đỗ Thị N (do Lương A quản lý, sử dụng) để thực hiện việc đáo hạn ngân

hàng cho khách; Ngày 16/12/2022, anh T3 tiếp tục vay tiền tại Ngân hàng B khoản vay 980.000.000đ, theo đề nghị của bị cáo Lương A, số tiền 580.000.000đ được chuyển cho bị cáo Lương A để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng, còn số tiền 400.000.000đ được chuyển đến tài khoản của anh T3; Ngày 19/12/2022 và 26/12/2022, bị cáo Lương A yêu cầu anh T3 chuyển tổng số tiền 420.000.000đ để thực hiện đáo hạn khoản vay sắp đến hạn của anh T3, anh T3 đã chuyển khoản số tiền này cho bị cáo Lương A đến tài khoản ngân hàng B và tài khoản BIDV của bị cáo Lương Anh . Sau khi nhận tiền của anh T3, bị cáo Lương A không thực hiện việc đáo hạn như cam kết, không trả lại tiền cho anh T3 mà sử dụng tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Ngày 27/02/2023, anh Đỗ Anh T3 đã làm đơn tố giác bị cáo Phạm Thị Lương A đến cơ quan điều tra.

Sao kê tài khoản ngân hàng B1, tài khoản ngân khoản bưu điện B số 000991226666 của Phạm Thị Lương A, tài khoản ngân hàng của các bị hại chị Nguyễn Thị T1, chị Đỗ Thị T2, anh Đỗ Anh T3 cùng những người liên quan đều thể hiện giao dịch của các bên kể trên.

Xác minh tại Ngân hàng B - Chi nhánh S xác định: Ngân hàng B - Chi nhánh S không thực hiện việc đáo hạn ngân hàng cho khách hàng.

Xác minh về các giao dịch chuyển tiền đi của bị cáo Lương A sau khi nhận tiền của các bị hại thể hiện: Bị cáo Lương A có nhiều khoản vay nợ cá nhân nhưng không có khả năng thanh toán nên ngay sau khi nhận được tiền của các bị hại, bị cáo Lương A đã sử dụng tiền để trả các khoản nợ đó, những người này không liên quan đến dịch vụ đáo hạn ngân hàng như bị cáo Lương A đưa ra thông tin với các bị hại.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Phạm Thị Lương A, các bị hại, những người liên quan đã khai nhận nội dung như trên. Các bị hại yêu cầu bị cáo Lương A hoàn trả số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

Cáo trạng số: 551/CT-VKS-P3 ngày 17/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Phạm Thị Lương A về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, buộc tội bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; Điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị Lương A từ 14 đến 15 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho những người bị hại số tiền đã chiếm đoạt còn lại gồm: Trả lại cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 1.796.500.000 đồng; trả lại cho bà Đỗ Thị T2 số tiền 606.400.000 đồng; trả lại cho ông Đỗ Anh T3 số tiền 1.200.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 02 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội.

Luật sư Đinh Anh T bào chữa cho bị cáo: Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và trách nhiệm dân sự là phù hợp. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo đã khắc phục một phần số tiền chiếm đoạt trả cho các bị hại; bố bị cáo là thương binh, được tặng thưởng huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Ba; hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi hai con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, đồng ý bồi thường cho các bị hại như đại diện Viện kiểm sát phát biểu và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người bị hại, người liên quan, người làm chứng, vật chứng thu được và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Phạm Thị Lương A - Phó giám đốc, kiêm Trưởng phòng hỗ trợ khách hàng Ngân hàng B - Chi nhánh S, không thực hiện việc đáo hạn ngân hàng nhưng đã đưa ra thông tin gian dối để khiến nhiều người tin tưởng và chuyển tiền cho bị cáo vay để hưởng lợi nhuận. Bằng thủ đoạn này, từ tháng 9/2022 đến tháng 01/2023, bị cáo đã chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị T1 số tiền 2.000.000.000đ; chiếm đoạt của chị Đỗ Thị T2 số tiền 800.000.000đ; chiếm đoạt của anh Đỗ Anh T3 số tiền 1.200.000.000đ. Bị cáo Lương A chiếm đoạt của 03 bị hại với tổng số tiền là 4.000.000.000đ. Số tiền chiếm đoạt được bị cáo sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Hiện, bị cáo đã khắc phục trả cho chị T1 được số tiền 203.500.000đ; trả cho chị T2 được số tiền 193.600.000đ.

Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; bị cáo chiếm đoạt với số tiền lớn. Phạm tội nhiều lần với nhiều người là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy, bị cáo không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục một phần số tiền chiếm đoạt trả cho các bị hại; gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị cáo đang nuôi hai con nhỏ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Đó là những tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có việc làm cụ thể nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu của những người bị hại là đúng pháp luật nên buộc bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Vật chứng của vụ án: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi đánh bạc qua mạng của bị cáo Phạm Thị Lương A, sau khi nhận tiền của bị hại Lương A có sử dụng tiền để chơi đánh bạc trên ứng dụng "Sun Pazuru - Doom Ball Game" có địa chỉ IP ở nước ngoài, hiện không xác định được thời gian cũng như số tiền đánh bạc, do vậy không có căn cứ xử lý bị cáo Lương A về hành vi đánh bạc là phù hợp.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát buộc tội bị cáo về tội đã truy tố và đề nghị mức hình phạt là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Lương A phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo:

Phạm Thị Lương A 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/5/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Thị Lương A phải trả cho các bị hại tổng số tiền đã chiếm đoạt 3.602.900.000đ, cụ thể:

Trả cho bà Nguyễn Thị T1 số tiền 1.796.500.000 đồng;

Trả cho bà Đỗ Thị T2 số tiền 606.400.000 đồng;

Trả cho ông Đỗ Anh T3 số tiền 1.200.000.000 đồng.

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật

thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, số Imei: 353896107798674 đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 pro, màu vàng, số Imei: 352725353702612 đã qua sử dụng.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H (Phòng PC01) và Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội ngày 24/10/2024.

5. Án phí: Bị cáo Phạm Thị Lương A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 104.058.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKS cấp cao tại Hà Nội;*
- *VKS và Cục THADS Tp Hà Nội;*
- *Công an Tp Hà Nội;*
- *Thi hành án hình sự;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Phong